

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **554/2022/HS-ST**

Ngày: 15-12-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Thị Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Chánh;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thắng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 523/2022/TLST-HS ngày 16 tháng 11 năm 2022; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 549/2022/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 11 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Nguyễn Ngọc Th;** Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1983, tại tỉnh Đ; Hộ khẩu thường trú: 161/38, khu phố 1, phường T, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi cư trú: Không có nơi ở ổn định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ, đảng phái: Không; Họ và tên cha: Nguyễn Văn C (đã chết); Họ và tên mẹ: Võ Thị L, sinh năm 1954 (còn sống); Gia đình bị cáo có 04 (bốn) anh em; Bị cáo là con út; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Ngày 27/9/2001 bị Tòa án Quân sự khu vực 2-QK7 xử phạt 18 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/04/2002; Ngày 31/12/2003 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 24 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999, chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/07/2005; Ngày 19/01/2006

bị Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 36 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999; Ngày 31/5/2006 bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xử phạt 03 năm tù giam về tội “Cướp giạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, quy định tại Điều 136 và Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 tổng hợp với hình phạt 36 tháng tù của bản án ngày 19/01/2006, buộc chấp hành chung 08 năm tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/05/2013; Ngày 28/9/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm 06 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009, chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/01/2018; Ngày 16/11/2018 bị Tòa án nhân dân huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự, chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/05/2021; Tiền sự: Không. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại giam Công an tỉnh Đồng Nai trong vụ án khác. (Có mặt)

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: M1/71A, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Có mặt)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

#### ***1. Nội dung chính của vụ án:***

Vào khoảng 10 giờ 30 ngày 22 tháng 02 năm 2022, Nguyễn Ngọc Th đang ngồi chơi ở nhà một người bạn tên D (không rõ họ tên thật) ở địa chỉ số M2/42, khu phố 5, phường T, thành phố B thì anh Nguyễn Đức T (sinh năm 1986, thường trú tại M1/71A, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đ) đến chơi. Lúc này, dù không sở hữu chiếc xe mô tô nào nhưng Th nảy sinh ý định lừa T mua xe của Th để lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, Th hỏi T có mua xe mô tô hiệu Honda Vario không thì anh T đồng ý mua với giá 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Sau đó, anh T dẫn Th về nhà của anh T ở địa chỉ số 161/38, khu phố 1, phường T, thành phố B mượn bà Nguyễn Bạch T (sinh năm 1951, mẹ ruột của anh T) số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) để mua xe, bà T đồng ý và đưa số tiền 30.000.000 đồng cho anh T, lúc này Th nói anh T đưa tiền cho Th bỏ vào túi xách của Th để đề phòng rơi mất. Sau đó, Th điều khiển xe mô tô của Th chở anh T đến địa điểm lấy xe thì anh T nói Th chở đến nhà anh D lấy đồ. Khi đến trước hẻm đi vào nhà anh D, anh T xuống xe đi vào nhà của anh D thì Th điều khiển xe bỏ đi. Sau khi Th bỏ đi cùng số tiền

30.000.000 đồng thì anh T có liên lạc với Th nhiều lần nhưng không được. Anh T biết bị Thiện lừa nên đã đến Công an phường T trình báo sự việc trên, Công an phường T lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa giải quyết theo thẩm quyền. Qua kiểm tra xác minh, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa xác định được Th đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản trong vụ án khác. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiến hành làm việc với Th, Th khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng vụ án: Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Th đã tiêu xài hết nên không thu hồi được.

Về dân sự: Người bị hại là anh Nguyễn Đức T yêu cầu Nguyễn Ngọc Th bồi thường số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) cho anh T.

## **2. Truy tố:**

Tại Cáo trạng số: 526/CT-VKSBH-HS ngày 09/11/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc Th về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị;

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù.
- Buộc bị cáo bồi thường thiệt hại dân sự cho bị hại;
- Buộc bị cáo chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Th có mặt không có ý kiến tranh luận đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

**3. Lời nói sau cùng:** Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã mô tả, nhận thức được hành vi sai trái của mình và xin giảm nhẹ hình phạt.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

### **[1] Tố tụng:**

Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

**[2] Về hành vi bị truy tố, tội danh và các tình tiết liên quan đến việc quyết định hình phạt:**

- *Những chứng cứ xác định có tội:* Tại phiên tòa cũng như quá trình điều tra bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai trong biên bản hỏi cung bị can, kết luận định giá tài sản, biên bản lấy lời khai bị hại cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 22 tháng 02 năm 2022 tại trước nhà có địa chỉ số M2/42, khu phố 5, phường T, thành phố B, Nguyễn Ngọc Th đã có hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) của anh Nguyễn Đức T sau đó Th bị phát hiện, khởi tố để điều tra xử lý.

- *Về tội danh:* Từ căn cứ trên, xác định bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, bản cáo trạng số 469/CT-VKSBH-HS ngày 05/10/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điều khoản tương ứng nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

- *Xét tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội và lỗi:* Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của Nhà nước, tổ chức và cá nhân. Bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để bị hại tin tưởng và tự nguyện giao tài sản cho mình, chiếm đoạt tài sản của bị hại tiêu xài và không có khả năng trả lại. Bị cáo là người không có nghề nghiệp ổn định, biết việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp.

- *Về nhân thân:* Bị cáo Th có nhân thân xấu, từng bị kết án nhiều lần nhưng không lấy đó làm bài học kinh nghiệm mà lại tiếp tục phạm tội.

- **Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:** Không có.

- **Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:** Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Từ những nhận định trên, xét về tính chất, mức độ nguy hiểm, vai trò, hậu quả của hành vi phạm tội gây ra, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo cũng như yêu cầu của việc đấu tranh phòng chống tội phạm, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo Thiện để đảm bảo sự nghiêm minh, khoan hồng của pháp luật và giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

**[3] Về vật chứng:**

Số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), Th đã tiêu xài hết nên không thu hồi được.

**[4] Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:**

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Bởi lẽ, bị cáo đã có hành vi xâm phạm tài sản của anh T, là căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Tuy bị cáo Th đã tiêu xài hết số tiền đã chiếm đoạt nhưng để đảm bảo nguyên tắc bồi thường thiệt hại thực tế cho anh T được toàn bộ và kịp thời cần yêu cầu bị cáo Th bồi thường cho anh T toàn bộ số tiền nêu trên.

**[5] Về án phí:** Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

**[6] Nhận định về phần trình bày của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa:**

- Đối với phần trình bày của Kiểm sát viên: Cáo trạng truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và đề nghị mức hình phạt phù hợp nên được chấp nhận.

- Đối với phần trình bày của bị cáo tại phiên tòa được Hội đồng xét xử xem xét khi nghị án.

Vì các lẽ trên,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc Th phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc Th **03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù với Bản án số 100/2022/HSST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2022.**

2. *Trách nhiệm bồi thường thiệt hại về dân sự:* Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung 2017); Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th bồi thường cho anh Nguyễn Đức T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày anh Nguyễn Đức T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Nguyễn Ngọc Th chậm thi hành số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. *Về án phí:* Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Ngọc Th phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. *Quyền kháng cáo:* Căn cứ Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Bị cáo Nguyễn Ngọc Th, bị hại anh Nguyễn Đức T được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Cơ quan Thi hành án hình sự TP.Biên Hòa
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Thị Hòa**

